

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ VĨNH YÊN
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH
ĐÔ THỊ THÁI NGUYÊN**

Số 302, đường Cách mạng tháng Tám,
Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	2 – 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 – 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 21

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH
ĐÔ THỊ THÁI NGUYÊN**

Số 302, đường Cách mạng tháng Tám,
Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Vĩnh Yên (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm 2012 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Văn Thục
Ông Hoàng Quang Hùng
Ông Lê Duy Hiền
Ông Nguyễn Thanh Tùng
Bà Phan Thị Tuyết

Chủ tịch hội đồng quản trị
Ủy viên hội đồng quản trị
Ủy viên hội đồng quản trị
Ủy viên hội đồng quản trị
Ủy viên hội đồng quản trị

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thục
Ông Lê Duy Hiền
Ông Đào Văn Hùng
Bà Nguyễn Thị Thuận

Tổng Giám đốc
Phó Tổng giám đốc
Phó Tổng giám đốc
Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị và Ban giám đốc,

Nguyễn Văn Thục
Tổng giám đốc

Ngày 25 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Vĩnh Yên**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “Báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Vĩnh Yên (gọi tắt là “Công ty”) từ trang 04 đến trang 23. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 01, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Chúng tôi.

Tuy nhiên ý kiến của Chúng tôi bị giới hạn bởi phạm vi kiểm toán sau:

Số liệu đầu kỳ trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Việt, và được Sở tài chính tỉnh Vĩnh Phúc thẩm định theo “Biên bản thẩm định số liệu quyết toán tài chính từ 15/4 đến 31/4 năm 2011” ngày 11/8/2012. Tuy nhiên tại thời điểm kiểm toán chúng tôi chưa được cung cấp hồ sơ kiểm toán, theo đó, Chúng tôi không đưa ra ý kiến đánh giá về tính trung thực và hợp lý của các số dư này cũng như ảnh hưởng của chúng tới các số liệu trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012.

Do hợp đồng kiểm toán được ký kết sau ngày khoá sổ để lập Báo cáo tài chính năm, nên Chúng tôi không thể tiến hành chứng kiến công tác kiểm kê tài sản của Công ty. Chúng tôi đã sử dụng các thủ tục kiểm toán thay thế nhằm khẳng định tính hiện hữu của các khoản mục tài sản, tuy nhiên tại thời điểm lập báo cáo này Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp nhằm đảm bảo cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Chúng tôi. Theo đó, Chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính trung thực và hợp lý của các khoản tiền, hàng tồn kho, tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản dở dang được Công ty trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012 cũng như ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính 2012.

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán Chúng tôi chưa nhận được đầy đủ các thư xác nhận về các khoản mục công nợ phải thu, công nợ phải trả của Công ty, Chúng tôi đã tiến hành các thủ tục kiểm toán thay thế nhằm khẳng định tính hiện hữu của các khoản mục nói trên, tuy nhiên tới thời điểm lập báo cáo này Chúng tôi chưa thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp nhằm đảm bảo cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Chúng tôi. Theo đó, Chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của các khoản mục công nợ phải thu, công nợ phải trả được Công ty trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012.

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Doanh thu của Công ty được ghi nhận khi khách hàng đã thanh toán tiền hoặc đã phát hành hóa đơn bán hàng thay vì được ghi nhận trên cơ sở giá trị chấp nhận thanh toán.

Giá vốn của các Công trình chưa hoàn thành nhưng đã được ghi nhận doanh thu được Công ty hạch toán trên cơ sở ước tính. Chúng tôi không thể đánh giá được tính hợp lý của cơ sở ước tính này. Theo đó, Chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính trung thực, hợp lý của khoản mục giá vốn hàng năm năm 2012 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng (nếu có) tới Báo cáo tài chính vì các vấn đề đã nêu tại phần giới hạn phạm vi kiểm toán nêu trên, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Trịnh Đức Minh

Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1433/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MHD

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2013

Lê Đức Minh

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1326/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	MẪU B 01-DN	
			Tại ngày 31/12/2012	Tại ngày 31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		67.217.007.466	48.891.011.896
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	4.145.272.300	9.488.561.367
1. Tiền	111		4.145.272.300	9.488.561.367
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		57.815.881.217	34.694.816.515
1. Phải thu của khách hàng	131	V.2	3.635.371.000	1.618.263.002
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	38.380.400.951	32.331.340.730
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
3. Các khoản phải thu khác	135	V.4	15.800.109.266	745.212.783
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	4.156.784.014	2.870.130.171
1. Hàng tồn kho	141		4.156.784.014	2.870.130.171
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.099.069.935	1.837.503.843
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		406.925.333	497.999.700
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		96.750.000	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.6	60.399.602	405.559.143
1. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	534.995.000	933.945.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		61.534.535.022	46.332.606.879
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.964.515.900	2.986.925.140
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.8	2.964.515.900	2.986.925.140
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		58.570.019.122	43.345.681.739
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	48.496.630.662	33.272.746.144
- Nguyên giá	222		68.059.552.720	49.787.630.420
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.562.922.058)	(16.514.884.276)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		10.073.388.460	10.072.935.595
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		128.751.542.488	95.223.618.775

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2012	Tại ngày 31/12/2011
A. Nợ phải trả	300		18.044.323.233	7.079.005.639
I. Nợ ngắn hạn	310		18.044.323.233	7.079.005.639
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	V.10	10.581.685.577	1.256.497.514
3. Người mua trả tiền trước	313	V.11	434.000.000	1.035.748.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	69.108.971	-
5. Phải trả người lao động	315		2.164.640.689	-
6. Chi phí phải trả	316	V.13	1.799.850.827	1.392.113.196
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.14	2.977.864.591	3.248.274.351
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		17.172.578	146.372.578
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. Vốn chủ sở hữu	400		110.707.219.255	88.144.613.136
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	40.377.487.729	39.710.444.610
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		35.264.601.540	35.264.601.540
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.231.856	8.231.856
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.743.952	2.743.952
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		667.043.119	-
6. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		4.434.867.262	4.434.867.262
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.16	70.329.731.526	48.434.168.526
1. Nguồn kinh phí	432		36.955.303.526	31.335.212.526
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		33.374.428.000	17.098.956.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		128.751.542.488	95.223.618.775

Nguyễn Văn Thục
Giám đốc

Ngày 25 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Thị Thuận
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	MẪU B 02-DN
				Đơn vị tính: VND
				Từ 15/04/2011 đến 31/12/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		104.010.320.980	56.301.381.588
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.I	104.010.320.980	56.301.381.588
4. Giá vốn hàng bán	11		94.975.409.862	38.158.377.130
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		9.034.911.118	18.143.004.458
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	57.573.366	87.369.081
7. Chi phí hoạt động tài chính	22		-	-
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.559.953.478	18.314.727.094
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21-22-24-25)	30		532.531.006	(84.353.555)
11. Thu nhập khác	31	VI.3	863.598.000	120.939.580
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		863.598.000	120.939.580
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.396.129.006	36.586.025
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		349.032.252	9.146.506
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.047.096.755	27.439.519

Nguyễn Văn Thục
Tổng giám đốc

Ngày 25 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Thị Thuận
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

MẪU B 03-DN
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Từ 15/04/2011 đến 31/12/2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		90.248.565.028	56.345.345.330
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(75.254.622.841)	(40.061.940.606)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(31.792.369.661)	(16.189.283.662)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		13.798.792.001	323.856.618
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(603.618.390)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.603.253.863)	417.977.680
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.789.805.865)	-
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		49.770.661	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.740.035.204)	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(5.343.289.067)	417.977.680
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		9.488.561.367	9.070.583.687
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		4.145.272.300	9.488.561.367

Nguyễn Văn Thục
Tổng giám đốc

Ngày 25 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Thị Thuận
Kế toán trưởng

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Vĩnh Yên (“Công ty”) tiền thân là Công ty Môi trường và Dịch vụ đô thị Vĩnh Yên được chuyển đổi từ ngày 15/04/2011 theo Quyết Định số 630/QĐ-CT ngày 10/03/2011 của UBND Tỉnh Vĩnh Phúc. Ngày 15 tháng 04 năm 2011 Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần thứ ba số 2500155809. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần thứ 3 ngày 15/04/2011 là 32.262.000.000 đồng. Tổng số cổ phần là 3.226.200 cổ phần, với mệnh giá 10.000đồng/cổphần.

<u>Cổ đông sáng lập của Công ty</u>	<u>Vốn góp VND</u>	<u>Tỷ lệ % góp vốn</u>
1. Nguyễn Văn Thục	12,820,500,000	39.74%
2. Hoàng Quang Hùng	5,698,000,000	17.66%
3. Lê Duy Hiền	4,273,500,000	13.25%
4. Nguyễn Thanh Tùng	2,849,000,000	8.83%
5. Phan Thị Tuyết	2,849,000,000	8.83%

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 15/04/2011 của Công ty là:

- (i) Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại. Chi tiết: vệ sinh môi trường, thu gom, vận chuyển, xử lý rác trên địa bàn thành phố Vĩnh Yên, tại các thị trấn và các khu vực thương mại du lịch thuộc thành phố Vĩnh Yên quản lý và các khu vực khác được UBND tỉnh giao;
- (ii) Quản lý, sửa chữa, vận hành lưới điện chiếu sáng công cộng các khu vực công ty quản lý;
- (iii) Quản lý, khai thác, sử dụng, bảo trì, sửa chữa, cải tạo các công trình kỹ thuật, hạ tầng đô thị được UBND tỉnh giao;
- (iv) Tu bổ vườn hoa công viên, cây xanh, dịch vụ hoa tươi, cây cảnh, tang lễ;
- (v) Xây dựng sửa chữa nhà ở và các công trình dân dụng, các dịch vụ vệ sinh, môi trường ngoài lĩnh vực công ích được giao;
- (vi) Kinh doanh dịch vụ hoa, cây cảnh, ươm cây giống, trồng cây xanh;
- (vii) Dịch vụ trông, rửa, bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện giao thông vận tải đường bộ;
- (viii) Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà nghỉ;
- (ix) Mua bán xăng dầu;
- (x) Mua bán phụ tùng ô tô xa máy;
- (xi) Dịch vụ cho thuê xe ô tô;
- (xii) Vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe ô tô;
- (xiii) Dịch vụ gia công cơ khí;
- (xiv) Xây dựng công trình điện nước;
- (xv) Giám sát thi công công trình xây dựng;
- (xvi) Trang trí nội ngoại thất công trình;
- (xvii) Vận tải hành khách đường bộ bằng xe taxi.

Tên gọi và trụ sở

Tên gọi bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Môi trường và dịch vụ đô thị Vĩnh Yên.
Tên gọi bằng tiếng Anh: Vĩnh Yên Environment and Urban services Joint Stock Company.
Trụ sở chính: 379, đường Mê Linh, Phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.
Số điện thoại: (0211) 3 861 063

Mã số thuế: 2500115809

Tổng số nhân viên của công ty tại ngày 31/12/2012 là ... người

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về Kế toán tại Việt Nam.

Kỳ Kế toán

Năm tài chính hàng năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và TT 244/2009/TT – BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đảm bảo đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn hiện hành khác về kế toán do Nhà nước ban hành trong việc lập và trình bày các Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số: 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đảm bảo đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn hiện hành khác về kế toán do Nhà nước ban hành trong việc lập và trình bày các Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính Kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về Kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới một năm.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi (Tiếp theo)

xây lắp tại doanh nghiệp. Theo đó, Công ty trích lập dự phòng cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định của Công ty bao gồm tài sản cố định thuộc quyền sở hữu của Công ty và tài sản cố định công cộng do Nhà nước giao Công ty quản lý, vận hành.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Tài sản	2012 (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc thiết bị	3 – 10
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 10

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định và khấu hao (Tiếp theo)

Chi phí khấu hao tài sản cố định thuộc quyền sở hữu của Công ty được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ. Chi phí khấu hao tài sản cố định công cộng do Nhà nước giao Công ty quản lý, vận hành được hạch toán vào nguồn kinh phí đã hình thành tài sản.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách Kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh kỳ Kế toán hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ Kế toán.

Các khoản chi phí phát sinh trong kỳ kế toán nhưng có liên quan đến nhiều năm tài chính thì được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên các tiêu thức hợp lý.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng, chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm các khoản lãi tiền gửi và lãi do chênh lệch tỷ giá. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ Kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ Kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của Chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh sai sót trọng yếu của năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty, cũng như quy định của pháp luật Việt Nam.

Nguồn kinh phí

Công ty phản ánh các khoản tiền do Ngân sách Nhà nước cấp để thực hiện các công trình, dự án do các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao Công ty làm Chủ đầu tư nhưng chưa được duyệt quyết toán chi phí thực hiện vào tài khoản Nguồn kinh phí.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

V.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền	1.829.844.677	4.985.228.654
Tiền gửi ngân hàng	2.315.427.623	4.503.332.713
<i>Ngân hàng NN & PT NT VP - PGD VY</i>	<i>110.286.263</i>	<i>482.891.657</i>
<i>NH TMCP Hàng Hải VP</i>	<i>2.185.604.420</i>	<i>2.656.589.705</i>
<i>KB NN tỉnh VP-3751.0.9011367</i>	<i>19.536.940</i>	<i>50.000.000</i>
<i>KB NN tỉnh VP - 3731.2.9011315</i>		<i>12.737.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Á Châu</i>		<i>817.038.537</i>
<i>Ngân hàng NN & PT NT VP - PGD Nam VY</i>		<i>482.263.622</i>
<i>Ngân hàng NN & PT NT VP - CN Bắc VY</i>		<i>1.812.192</i>
Cộng	4.145.272.300	9.488.561.367

V.2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Cải tạo nút giao thông Rừng Lim	496.622.000	496.622.000
Bán ra Nhà để xe trong khuôn viên trụ sở làm việc UBND TP Vĩnh Yên	37.380.001	37.380.001
Bán ra C.trình CX dải phân cách QL2B đi Tâm Đảo đoạn km3+080 đến km9+820	-	530.310.000
Bán ra C.trình vườn hoa kề hồ đường dạo Sông Nhật	-	419.360.000
Bán ra C.trình cải tạo thoát nước nội thành TPVY	275.621.000	-
Bán ra C.trình bổ sung hệ thống điện CS ngõ xóm TPVY GD3	135.482.001	-
Bán ra C.trình Vườn hoa trước trụ sở UBND TPVY	188.960.000	-
Bán ra C.trình cải tạo khuôn viên và một số hạng mục phụ trợ của trụ sở làm việc HĐND - UBND TPVY	172.453.000	-
Bán ra C.trình Vườn hoa trước trụ sở UBND TPVY	2.132.047.000	-
Bán ra các công trình khác	196.805.998	134.591.001
Cộng	3.635.371.000	1.618.263.002

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

V.3. Trả trước cho người bán

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
C.Ty CP ĐT& thương mại Việt Nga	100.968.000	652.840.000
C.Ty CP kinh doanh nhà Vĩnh Phúc	7.905.000.000	7.905.000.000
C.Ty ĐT PT Nhà Hà Nội 22	2.713.230.000	2.713.230.000
C.Ty Đô Thị Vĩnh Yên	5.709.000.000	5.709.000.000
C.Ty CP XD & đầu tư phát triển	4.702.442.000	4.702.442.000
C.Ty Đô Thị Miền Nam	608.000.000	608.000.000
C.Ty CP XD & PT Đại Dương	2.859.625.000	7.700.920.000
TT XLC.Ty CP tư vấn điện CS Bình Minh CT: Đền trang trí chào mừng đại hội Đảng các cấp	942.000.000	942.000.000
TT cho C.Ty CP xây dựng PT Đại Dương gói thầu số 1 C.trình hệ thống điện CS,Cx dải phân cách QL2B từ VY đi T. Đảo đoạn Km3+080 đến Km+820(KB)	3.000.000.000	-
TT cho C.Ty CP xây dựng PT Đại Dương C.trình hệ thống thoát nước KCN Khai Quang gói 2(KB)	1.500.000.000	-
TT XL C.ty Quang Vĩnh gói thầu số 2 C.trình hệ thống điện CS,Cx dải phân cách QL2B từ VY đi T. Đảo đoạn Km3+080 đến Km+820(KB)	939.000.000	-
TT XL C.ty Đô Thị VY C.trình bãi xử ký rác tạm KCN KQ 2012(KB)	1.200.000.000	-
TT XL cho C.ty đô thi VY C.trình bãi xử ký rác tạm KCN KQ 2012	2.370.636.000	-
Renld Transonission Limited		-
Các khách hàng khác	3.830.499.951	1.397.908.730
Cộng	38.380.400.951	32.331.340.730

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

V.4. Các khoản phải thu khác

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền thuế phải thu từ gom rác	165.188.866	41.952.644
DT phải thu từ thu gom V/C rác		550.316.639
TT nhân công khảo sát tính toán đơn giá công ích đô thị lần 2	10.000.000	10.000.000
Hoàng Long nợ tiền xăng dầu	-	142.943.500
C.Ty Hoàng Long nợ tiền xăng dầu 6 tháng đầu năm 2012	129.446.000	-
C.Ty Tha Tùng nợ tiền xăng dầu 6 tháng đầu năm 2012	68.337.800	-
Doanh thu các đơn vị chưa trả từ T7 đến T12	531.043.700	-
VAT các đơn vị chưa trả	13.464.400	-
Doanh thu phải thu dịch vụ vệ sinh công ích Tam Đảo	1.885.426.000	-
Doanh thu phải thu dịch vụ vệ sinh công ích Tam Dương	1.007.544.000	-
Doanh thu phải thu dịch vụ vệ sinh công ích TP Vĩnh Yên	10.118.424.000	-
Cộng	15.800.109.266	745.212.783

V.5. Hàng tồn kho

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-
Công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.884.815.665	2.670.314.634
Thành phẩm	-	-
Hàng hoá	1.271.968.349	199.815.537
Cộng	4.156.784.014	2.870.130.171
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần	4.156.784.014	2.870.130.171

V.6. Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng		17.953.924
Thuế thu nhập doanh nghiệp	60.399.602	384.882.253
Thuế thu nhập cá nhân		2.722.966
Cộng	60.399.602	405.559.143

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

V.7. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tạm ứng	469.445.000	933.945.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	65.550.000	-
Cộng	534.995.000	933.945.000

V.8. Phải thu dài hạn khác

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
TT cho C.ty quản lý đường sắt Vĩnh Phúc C.trình thoát nước KCN Khai Quang gói 01		11.939.000
Tiền vật tư bãi xe P.Hội Hợp	2.244.230.900	2.244.230.900
Mua thiết bị phục vụ xưởng SC xe ô tô P.Hội Hợp	120.285.000	120.285.000
TT khối lượng bãi chôn lấp rác	600.000.000	600.000.000
Tiền VAT C.trình tuyến đường + nhà điều hành đội vệ sinh gói 2 TT nhưng chưa khấu trừ		10.470.240
Cộng	2.964.515.900	2.986.925.140

V.9. Tài sản cố định

Khảo mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 31/12/2011	9.220.060.221	286.179.587	23.182.434.612	-	17.098.956.000	49.787.630.420
Mua sắm mới	61.518.000	109.725.000	2.570.357.300	-	-	2.741.600.300
XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Tặng khác	-	-	-	-	16.275.472.000	16.275.472.000
Chuyển BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	745.150.000	-	-	745.150.000
Tại ngày 31/12/2012	9.281.578.221	395.904.587	25.007.641.912	-	33.374.428.000	68.059.552.720
HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 31/12/2011	2.902.515.938	114.878.604	13.497.489.734	-	-	16.514.884.276
Trích khấu hao	937.613.648	63.471.512	2.792.102.621	-	-	3.793.187.782
Chuyển BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	745.150.000	-	-	745.150.000
Tại ngày 31/12/2012	3.840.129.586	178.350.116	15.544.442.356	-	-	19.562.922.058
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2011	6.317.544.283	171.300.983	9.684.944.878	-	17.098.956.000	33.272.746.144
Tại ngày 31/12/2012	5.441.448.635	217.554.471	9.463.199.556	-	33.374.428.000	48.496.630.662

Nguyên giá TSCĐ hữu hình thuộc quyền sở hữu của Công ty đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng đến ngày 31/12/2012 là: 8.228.272.099 đồng

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

V.10. Phải trả cho người bán

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Chi phí CT: thay thế, SC tấm đan, hồ thu nước, rãnh	226.342.926	526.591.065
Chi phí C.trình CX dài phân cách QL 2B đi Tam Đảo	-	490.588.059
Chi phí chưa TT C.trình Vườn hoa trước UBND thành	1.872.560.882	-
Mua Xăng dầu phục vụ chuyên môn chưa TT	333.012.234	-
Mua xăng dầu T12 chưa TT	407.660.550	-
Thuê ô tô V/c rác KCN KQ chưa TT	492.000.000	-
Tiền hợp đồng mua cây xanh thảm cỏ, cây đường viên	1.483.510.000	-
Hợp đồng mua phân bón chưa TT	1.400.000.000	-
Tiền chôn lấp bãi rác tạm KCN KQ chưa TT (công ích)	614.939.000	-
Hợp đồng chăm sóc duy trì cây xanh đường đôi trung	392.127.000	-
Phí S/C phục hồi xe ô tô 88H - 5967	352.247.300	-
Hợp đồng thuê xe ô tô vận chuyển rác	486.000.000	-
Chi phí c.trình trồng cây xanh tại vị trí nút GTQL2A	214.528.000	-
Chi phí thuê nhân công ô tô V/C rác thải	219.000.000	-
Mua chế phẩm xử lý rác	220.404.400	-
Các đối tượng khác	1.867.353.285	239.318.390
Cộng	10.581.685.577	1.256.497.514

V.11. Người mua trả tiền trước

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Kinh phí vườn hoa CX cầu vượt đường sắt phường Khai Quang	-	951.748.000
C.Ty CP tập đoàn Sông Hồng Thăng Long tạm ứng tiền trồng cây xanh dự án TTTM Bình Xuyên	40.000.000	40.000.000
C.Ty CP ĐTXD Yên Lạc tạm ứng trồng cây xanh tại dự án TTTM Yên Lạc theo HĐ 26/09/2011	44.000.000	44.000.000
Kinh phí di chuyên đường điện CS Cải tạo nâng cấp đường nội thị thị trấn Hương Canh Bình Xuyên từ km23 +700 đến km 26+870 QL 2A cũ	350.000.000	-
Các khách hàng khác	-	-
Cộng	434.000.000	1.035.748.000

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

V.12. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	57.327.995	
Thuế thu nhập cá nhân	11.780.976	
Cộng	69.108.971	-

V.13. Chi phí phải trả

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay phải trả	-	-
Chi phí khác	1.799.850.827	1.392.113.196
Cộng	1.799.850.827	1.392.113.196

V.14. Các khoản phải trả phải nộp khác

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<i>Kinh phí công đoàn</i>	-	-
<i>BHXH, Bảo hiểm y tế</i>	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	2.977.864.591	3.248.274.351
<i>Sở giáo dục Vĩnh Phúc TT tiền đền bù C.trình rừng Lim</i>	261.985.000	261.985.000
<i>kinh phí QT C.trình nhà khách tỉnh ủy Vĩnh Phúc</i>	1.000.000	1.000.000
<i>Kinh phí GPMB quỹ đất Vĩnh Phúc</i>	302.724.783	1.414.383.903
<i>vat các C.trình</i>	969.870.143	1.482.967.705
<i>- Phải trả khác</i>	1.442.284.665	87.937.743
Cộng	2.977.864.591	3.248.274.351

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

V.15. Vốn chủ sở hữu

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư của	Nguồn vốn	Quỹ đầu tư	Quỹ dự phòng	Lợi nhuận	Cộng
	chủ sở hữu	đầu tư XDCB	phát triển	tài chính	chưa phân phối	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngày 31/12/2011	35.264.601.540	4.434.867.262	8.231.856	2.743.952		39.710.444.610
<i>Tăng trong năm</i>	-	-	-	-	667.043.119	667.043.119
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	667.043.119	667.043.119
Trích bổ sung các quỹ	-	-	-	-	-	-
<i>Giảm trong năm</i>	-	-	-	-	-	-
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-
Trích bổ sung các quỹ	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Ngày 31/12/2012	35.264.601.540	4.434.867.262	8.231.856	2.743.952	667.043.119	40.377.487.729

b. Vốn điều lệ

Tên cổ đông	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Cổ đông nhà nước	35.827.468.802	35.827.468.802
Cổ đông khác	3.772.000.000	3.897.600.000
Cộng	39.599.468.802	39.725.068.802

V.16. Nguồn kinh phí và quỹ khác

	Nguồn kinh phí sự	Nguồn kinh phí hình	Cộng
	nghiệp	thành tài sản cố định	
Tại ngày 31/12/2011	31.335.212.526	17.098.956.000	48.434.168.526
Tăng do nhà nước cấp	11.170.292.000		11.170.292.000
Giảm do quyết toán ngân sách	5.484.904.000		5.484.904.000
Tăng do nhà nước giao		16.275.472.000	16.275.472.000
Giảm do khấu hao tài sản cố định			-
Giảm khác	65.297.000		65.297.000
Tại ngày 31/12/2012	36.955.303.526	33.374.428.000	70.329.731.526

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**VI.1. Doanh thu thuần**

	Năm 2012	Từ 15/04/2011 đến 31/12/2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	104.010.320.980	56.301.381.588
Doanh thu dịch vụ công ích được nhà nước giao	53.736.022.000	40.433.410.739
Doanh thu dịch vụ xăng dầu	21.977.728.691	13.543.766.890
Doanh thu dịch vụ xây lắp	13.325.046.361	
Doanh thu dịch vụ vệ sinh môi trường	14.971.523.928	2.324.203.959
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Giảm giá hàng bán		-
Hàng bán bị trả lại	-	-
Doanh thu thuần	104.010.320.980	56.301.381.588

VI.2. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012	Từ 15/04/2011 đến 31/12/2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	57.573.366	87.369.081
Total	57.573.366	87.369.081

VI.3. Thu nhập và chi phí khác

	Năm 2012	Từ 15/04/2011 đến 31/12/2011
	VND	VND
Thu từ bán thanh lý TSCĐ		
Thu nhập từ tiền bồi thường	600.000.000	
Thu nhập khác	263.598.000	120.939.580
Cộng	863.598.000	120.939.580

VII. THÔNG TIN KHÁC**VII.1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, đến thời điểm lập báo cáo này, không có bất kỳ sự kiện bất thường hoặc sự kiện sau ngày kết thúc niên độ nào xảy ra, có khả năng ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi cần phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012.

VII.2. Số liệu so sánh

Là số liệu tại Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Việt và được Sở tài chính tỉnh Vĩnh Phúc thẩm định theo "Biên bản thẩm định số liệu quyết toán tài chính từ 15/4 đến 31/4 năm 2011" ngày 11/8/2012.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH
ĐÔ THỊ THÁI NGUYÊN**

Số 302, đường Cách mạng tháng Tám,
Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2012

Nguyễn Văn Thực
Tổng giám đốc

Ngày 25 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Thanh Tùng
Kế toán trưởng